

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO
Số 25/11, Ngõ 35 Ngõ 10, Trung Yên
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

KẾ TÍNH

Tính

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

2-3

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

4-5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế

9-13

Báo cáo kết

Báo cáo lưu chuyển

10-14

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

M.S.C.A.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinavico đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Hồng Bằng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Ông Đinh Thanh Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01/10/2012)
Ông Vũ Hồng Sơn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 01/10/2012)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Công Đường	Thành viên
Ông Mai Xuân Hòa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 7/5/2012)
Ông Nguyễn Thành Bao	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 7/5/2012)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Hồng Bằng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Trọng Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/06/2012)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL - Văn phòng Hà Nội, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê chuẩn rằng, Báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan về kế toán tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.



Mại Hồng Bằng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2013

789-C
NG TY
HIỆM HỮ
A TOA
T.T
NHÂN
V NỘ
Y - T



Văn phòng Hà Nội

Tầng 7, Tòa nhà Lotus, Số 2 Đường Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Tel: +844 3795 53 53 | Fax: +844 3795 52 52

www.rsm.com.vn | dtl_hanoi@rsm.com.vn

Số. 35/2013/DTLHN - BCKT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

V/v: Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Vinavico

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông của
Công ty Cổ phần Vinavico**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vinavico ("Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty thấy cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính riêng của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.



Nguyễn Thành Lâm
Giám đốc
Số chứng chỉ KTV: 0299/KTV

Hoàng Thị Vinh
Kiểm toán viên
Số chứng chỉ KTV: 1678/KTV

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.374.412.988	62.344.269.110
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.130.978.162	1.326.632.426
1. Tiền	111		4.130.978.162	1.326.632.426
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	67.050.237	4.454.430.574
1. Đầu tư ngắn hạn	121		302.325.055	7.443.347.774
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(235.274.818)	(2.988.917.200)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.525.710.529	29.434.094.404
1. Phải thu của khách hàng	131	4.3	23.082.537.862	21.534.817.259
2. Trả trước cho người bán	132	4.4	7.954.042.919	7.450.680.090
3. Các khoản phải thu khác	135	4.5	3.956.132.274	1.028.126.087
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.6	(3.467.002.526)	(579.529.032)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	9.767.279.036	9.657.301.204
1. Hàng tồn kho	141		9.767.279.036	9.657.301.204
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.883.395.024	17.471.810.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		280.451.383	281.100.470
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.940.220.573	3.193.858.394
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.8	11.662.723.068	13.996.851.638
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.334.110.327	83.308.464.667
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		67.612.705.843	70.372.321.384
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	17.573.018.752	22.197.342.736
Nguyên giá	222		23.020.806.627	26.448.893.359
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.447.787.875)	(4.251.550.623)
2. Tài sản cố định vô hình	227		31.696.661	41.976.665
Nguyên giá	228		51.400.000	51.400.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.703.339)	(9.423.335)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	50.007.990.430	48.133.001.983
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.11	10.319.981.009	12.397.408.109
1. Đầu tư vào Công ty con	251		5.924.876.909	2.488.491.909
2. Đầu tư dài hạn khác	258		10.190.862.000	11.648.352.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn	259		(5.795.757.900)	(1.739.435.800)
V. Tài sản dài hạn khác	260		401.423.475	538.735.174
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		319.423.475	391.735.174
2. Tài sản dài hạn khác	268		82.000.000	147.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		137.708.523.315	145.652.733.777

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.546.648.796	42.713.579.411
I. Nợ ngắn hạn	310		45.179.463.159	42.713.579.411
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.414.000.000
2. Phải trả người bán	312	4.12	33.021.580.348	35.858.471.118
3. Người mua trả tiền trước	313	4.13	3.228.938.064	1.138.615.351
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.14	2.747.898.684	2.776.286.342
5. Phải trả người lao động	315		791.717.663	971.443.471
6. Chi phí phải trả	316		733.752.955	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	4.783.844.447	513.029.178
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(128.269.002)	41.733.951
II. Nợ dài hạn	330		367.185.637	-
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.9	367.185.637	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.161.874.519	102.939.154.366
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	92.161.874.519	102.939.154.366
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		92.000.000.000	92.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.298.680.000	6.298.680.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.686.650.000)	(1.686.650.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		807.672.120	707.257.366
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		724.415.361	599.129.304
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.982.242.962)	5.020.737.696
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		137.708.523.315	145.652.733.777

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
1. Ngoại tệ các loại - USD		5.063,95	5.027,00



Mai Hồng Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Hoa Huệ
Phụ trách kế toán

Nguyễn Quỳnh Hoa
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	31.952.291.485	48.901.951.361
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	31.952.291.485	48.901.951.361
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	22.359.699.119	32.563.873.530
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.592.592.366	16.338.077.831
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		329.858.271	3.096.580.622
7. Chi phí tài chính	22	5.3	4.824.636.908	6.350.589.057
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		173.678.345	-
8. Chi phí bán hàng	24	5.4	2.677.801.835	3.270.198.052
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	9.057.328.130	6.627.952.079
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.637.316.236)	3.185.919.265
11. Thu nhập khác	31	5.6	6.384.586.258	248.172.997
12. Chi phí khác	32	5.7	5.362.327.347	1.815.107.672
13. Lợi nhuận khác	40		1.022.258.911	(1.566.934.675)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.615.057.325)	1.618.984.590
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	-	(199.926.305)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.9	367.185.637	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.982.242.962)	1.818.910.895
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	(658)	200



Mai Hồng Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Hoa Huế
Phụ trách kế toán

Nguyễn Quỳnh Hoa
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.8	(5.615.057.325)	1.618.984.590
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.727.993.045	1.254.604.284
- Các khoản dự phòng	03		4.190.153.212	1.262.930.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	5.3	37.337.285	2.366.443.426
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2.266.405.265	(1.961.645.195)
- Chi phí lãi vay	06	5.3	173.678.345	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		4.780.509.827	4.541.317.105
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		5.057.180.222	(11.395.303.631)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(4.302.905.821)	(2.481.490.139)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(808.347.326)	1.267.699.602
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		72.960.786	(170.271.902)
- Lãi tiền vay đã trả	13	5.3	(173.678.345)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	5.8	(98.962.144)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(294.777.547)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.526.757.199	(8.531.326.512)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.399.146.454)	(17.248.708.395)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ&TS dài hạn khác	22		2.739.927.273	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.436.385.000)	(11.490.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.398.385.667	21.979.254.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		396.650.718	1.223.677.329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(300.567.796)	(5.535.777.066)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.280.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.414.000.000)	(1.280.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.843.667)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.421.843.667)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		2.804.345.736	(14.067.103.578)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	1.326.632.426	25.387.434.476
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	490.942
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	4.130.978.162	11.320.821.840



Mai Hồng Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Hoa Huế
Phụ trách kế toán

Nguyễn Quỳnh Hoa
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinavico ("Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101910492 ngày 06/04/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Công ty đã điều chỉnh 09 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần cuối cùng vào ngày 20/01/2011. Ngày 01/10/2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 92.000.000.000 VND, chia thành 9.200.000 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 28 lô 1B, khu đô thị mới Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Trụ sở giao dịch tại phòng số 2, tầng 8 tòa nhà 19, số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Công ty thành lập Chi nhánh tại Thôn Cát Hai, xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngoài ra, Công ty có 2 Công ty con:

- Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone (i)
- Công ty Đá cẩm Thạch Lục Yên (ii)

(i): Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105451585 ngày 13 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 1 ngày 06/12/2012, Công ty tăng vốn góp điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 15.000.000.000 VND tương ứng với số cổ phần tăng từ 1.000.000 cổ phần lên 1.500.000 cổ phần (mệnh giá 10.000/ cổ phần). Trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Vinavico giảm từ 96% xuống còn 49%. Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Vinavico vẫn là thành viên góp vốn duy nhất chiếm 100% số vốn góp.

(ii): Hiện tại, Công ty này chưa đi vào hoạt động và Công ty Cổ phần Vinavico chưa góp vốn vào Công ty con này.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 32 người (Tại ngày 31/12/2011 là 52 người).

1.2 Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- San lấp mặt bằng, bốc xúc đất đá khai thác mỏ;
- Kinh doanh, khai thác và chế biến khoáng sản; và
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán tại Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ngoài Báo cáo tài chính riêng này, Công ty còn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"). Người sử dụng nên đọc Báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (TIẾP)

2.2 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc giai đoạn kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 Hàng tồn kho (Tiếp)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng hữu ích (Năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

3.7 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận tại ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc, bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan.

Sau đó, các khoản đầu tư chứng khoán khác được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng trình bày dưới đây.

Doanh thu khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.12 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

1789
ÔNG
NHIỆM
ẾM T
D.T
H NH
IÀ N
YẤY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 140/201/TT-BTC ngày 21/08/2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Năm 2012, Công ty kinh doanh lỗ nên không được hưởng ưu đãi này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào Công ty con hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

001-C
Y
HỮU HẠN
I
L
NH
ĐỊ
TP. H.P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 Thuế (Tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán đá	10%
Đối với hoạt động thi công xây lắp	10%

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tiền mặt	61.511.550	37.597.097
Tiền gửi ngân hàng	4.069.466.612	1.289.035.329
Cộng	4.130.978.162	1.326.632.426

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		302.325.055		4.154.170.000
Công ty CP Licogi 16	-	-	115.300	3.397.730.000
Công ty CP Xi măng XD Quảng Ninh	24	665.055	27.324	756.440.000
Công ty Cổ phần ĐT SX và TM VN (i)	23.900	301.660.000	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác (ii)		-		3.289.177.774
Công ty CP ĐT & TM Tân Phong		-		810.000.000
Công ty CP Vận tải & Cơ giới Thái Bình		-		503.000.000
Công ty TNHH ĐT & PT LN&XD Thành Đạt		-		300.000.000
Công ty CP ĐTXD & Khai thác mỏ Vinavico		-		200.000.000
Ông Nguyễn Văn Đông		-		1.200.000.000
Ông Dương Văn Huệ		-		276.177.774
Dự phòng giảm giá ĐT ngắn hạn		(235.274.818)		(2.988.917.200)
Cộng		67.050.237		4.454.430.574

(i): Giá trị ghi sổ của cổ phiếu này là 12.622 VND/cổ phiếu. Giá trị thị trường của cổ phiếu này là 2.800 VND/cổ phiếu tại ngày 31/12/2012. Do đó, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán với số tiền 234.744.163 VND.

(ii): Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là những khoản ủy thác đầu tư hoặc cho vay không lãi suất từ những năm trước nên được phân loại sang phải thu khác. Xem chi tiết tại thuyết minh 4.5 "Các khoản phải thu khác".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.3 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Phải thu từ các bên liên quan	3.337.002.370	3.163.555.284
Công ty CP Đá tự nhiên VnStone	3.306.984.086	3.133.537.000
Công ty CP Đầu tư XD và Khai thác mỏ Vinavico	30.018.284	30.018.284
Các khoản phải thu bên thứ ba	19.745.535.492	18.371.261.975
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Tân Phong	4.374.075.923	5.275.307.600
Công ty CP Tập đoàn Đại dương	4.234.784.577	6.022.625.898
Công ty CP Xây dựng 1/5	3.200.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Đô thị Nam Thăng Long	1.772.746.651	-
Công ty CP Đầu tư Giải pháp Việt	1.360.000.000	1.360.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và TM Tiên Phong	1.332.611.221	-
Công ty TNHH TM & SX Ngọc Diệp	1.268.498.909	2.428.098.000
Các công ty khác	2.202.818.211	3.285.230.477
Tổng phải thu khách hàng	23.082.537.862	21.534.817.259
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi (i)	(1.549.172.299)	-

(i): Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.6 "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi".

4.4 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Trả trước cho bên liên quan	5.978.300.923	4.762.515.000
Công ty CP Đá tự nhiên VnStone	488.755.923	-
Nguyễn Thành Bao (i)	5.489.545.000	4.762.515.000
Trả trước Nhà cung cấp khác	1.975.741.996	2.688.165.090
Công ty CP Đầu tư Giải pháp Việt	1.160.000.000	1.160.000.000
Các công ty khác	815.741.996	1.528.165.090
Cộng	7.954.042.919	7.450.680.090

(i): Đây là khoản trả trước theo hợp đồng ký ngày 12/08/2010 để mua bán nhà làm văn phòng tại phòng số 2, tầng 8 tòa nhà 19, số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Tổng diện tích sàn là 316,1 m² với trị giá bán là 5.847.850.000 VND. Hiện tại, hai bên đang thực hiện thủ tục để chuyển nhượng quyền sở hữu cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.5 Các khoản phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Phải thu từ các bên liên quan	271.328.900	49.507.400
Công ty CP Đá tự nhiên VnStone	4.253.500	-
Ông Mai Hồng Bằng	67.075.400	49.507.400
Cty CP ĐTXD và Khai thác Mỏ Vinavico	200.000.000	-
Các khoản phải thu bên thứ ba	3.684.803.374	978.618.687
Phải thu cổ tức nhận được	66.307.984	134.645.023
Công ty CP Ứng dụng Công nghệ CNC VN	51.750.000	51.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & TM Việt Nam	-	45.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	9.093.184	37.895.023
Công ty CP Xi măng & Xây dựng Quảng Ninh	5.464.800	-
Phải thu khác	3.618.495.390	843.973.664
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Tân Phong	1.314.424.616	811.470.616
Ông Nguyễn Văn Đông	1.200.000.000	-
Ông Dương Văn Huệ	301.070.774	24.893.000
Công ty CP VT và TC Cơ giới Thái Bình	503.000.000	-
Công ty TNHH ĐT PT Lâm nghiệp và XD Thành	300.000.000	-
Phải thu khác	-	7.610.048
Tổng phải thu khác	3.956.132.274	1.028.126.087
Dự phòng phải thu khác khó đòi (i)	(1.518.194.195)	(527.893.000)
Cộng	2.437.938.079	500.233.087

(i): Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.6 "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	1.549.172.299	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Tân Phong	1.115.932.777	-
Công ty CP Đầu tư Giải pháp Việt	408.000.000	-
Công ty CP Viegong	25.239.522	-
Dự phòng khoản trả trước NCC khó đòi	399.636.032	51.636.032
Công ty CP Đầu tư Giải pháp Việt	348.000.000	-
Công ty Cơ khí Ô tô Hùng Văn	35.085.119	35.085.119
Công ty Sơn Hà	16.550.913	16.550.913
Dự phòng khoản phải thu khác khó đòi	1.518.194.195	527.893.000
Cty CP Vận tải và Thi công Cơ giới Thái Bình	503.000.000	503.000.000
Công ty CP ĐT & TM Tân Phong	252.212.308	-
Ông Dương Văn Huệ	162.981.887	24.893.000
Ông Nguyễn Văn Đông	600.000.000	-
Cộng	3.467.002.526	579.529.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.7 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	360.846.749	1.934.090.845
Công cụ, dụng cụ	129.574.611	129.574.611
Thành phẩm (i)	8.293.754.663	3.927.260.032
Hàng hoá	937.331.306	1.367.787.504
Hàng gửi đi bán	45.771.707	2.298.588.212
Giá gốc hàng tồn kho	9.767.279.036	9.657.301.204
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	9.767.279.036	9.657.301.204

(i): Các chi phí phát sinh tại mỏ đá Thâm Thèn phát sinh cho hai mục đích đầu tư xây dựng mỏ và khai thác mỏ, và chỉ được phân tách theo ước tính của Ban Giám đốc. Hàng tồn kho - thành phẩm gồm nhiều loại đá khối và đá xẻ nên số lượng hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính không được xác định bằng các phương pháp kiểm kê thông thường, mà được xác định bằng phương pháp ước tính của Ban Giám đốc. Do đó, việc tính giá thành hàng tồn kho của Công ty chịu ảnh hưởng của các ước tính quan trọng nêu trên của Ban Giám Đốc cho việc phân tách chi phí đầu tư và chi phí sản xuất cũng như xác định khối lượng hàng tồn kho tại mỏ.

4.8 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tạm ứng	11.642.123.068	13.976.251.638
- Các thành viên trong HĐQT và BGĐ	2.894.031.895	3.339.537.242
- Các thành viên khác	8.748.091.173	10.636.714.396
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.600.000	20.600.000
Cộng	11.662.723.068	13.996.851.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	-	21.509.356.476	4.535.050.281	404.486.602	26.448.893.359
Mua sắm mới	36.345.454	105.000.000	-	27.336.000	168.681.454
Xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	3.548.404.542	-	-	-	3.548.404.542
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.145.172.728)	-	-	(7.145.172.728)
Tại ngày 31/12/2012	3.584.749.996	14.469.183.748	4.535.050.281	431.822.602	23.020.806.627
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	-	3.097.399.121	948.905.879	205.245.623	4.251.550.623
Trích khấu hao	357.250.452	2.762.703.056	531.622.314	66.137.219	3.717.713.041
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.521.475.789)	-	-	(2.521.475.789)
Tại ngày 31/12/2012	357.250.452	3.338.626.388	1.480.528.193	271.382.842	5.447.787.875
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	-	18.411.957.355	3.586.144.402	199.240.979	22.197.342.736
Tại ngày 31/12/2012	3.227.499.544	11.130.557.360	3.054.522.088	160.439.760	17.573.018.752

Tại ngày 31/12/2012, nguyên giá của các máy móc thiết bị được dùng để bảo lãnh thực hiện một số hợp đồng là khoảng 8,3 tỷ VND, giá trị còn lại tương ứng là 6,7 tỷ VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 209.328.916 VND.

(i): Trong năm, Công ty hoàn thành và đưa vào sử dụng một số hạng mục xây dựng cơ bản phục vụ hoạt động tại mỏ Pha Xúm và Thảm Then.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định (i)	6.087.988.028	6.087.988.028
Mỏ đá Thâm Then - Yên Bái (ii)	20.232.199.384	20.588.275.261
Mỏ đá Khau Ca - Yên Bái (iii)	22.000.640.714	20.084.873.464
Mỏ đá đen Pha Xúm - Thanh Hóa	1.687.162.304	1.371.865.230
Cộng	50.007.990.430	48.133.001.983

(i): Bao gồm cần cẩu và máy phát điện đã mua từ đầu năm 2010 và chưa được đưa vào sử dụng cho mỏ đá Thâm Then và trích khấu hao trong năm.

(ii): Theo quyết định số 54/QĐ-HĐQT/Vinavico ngày 05/03/2010, Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dự án đầu tư khai thác đá hoa trắng khu vực núi Thâm Then, xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tổng mức đầu tư dự án là 155.006.118.000 VND trong thời gian 30 năm (Từ tháng 04/2010 đến tháng 4/2040).

(iii): Theo quyết định số 600B/QĐ/VINAVICO-HĐQT ngày 27/12/2010, Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt đầu tư dự án khai thác đá hoa khu vực Nam núi Khau Ca tại xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tổng mức đầu tư dự án là 53.429.360.144 VND trong thời gian 30 năm.

Mỏ đá Khau Ca được đầu tư hình thành thông qua việc góp vốn bằng quyền thăm dò mỏ với tổng số tiền là 14,4 tỷ VND từ các năm trước của Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico. Ngoài ra chi phí xây dựng cơ bản dở dang mỏ đá này còn bao gồm tiền đền bù giải phóng mặt bằng, khoan thăm dò và các chi phí lương, vật tư khác liên quan.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có giấy phép khai thác mỏ để đưa vào hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty con		5.924.876.909		2.488.491.909
Công ty CP Đá tự nhiên VnStone	592.488	5.924.876.909	248.849	2.488.491.909
Đầu tư mua cổ phiếu		10.190.862.000		11.648.352.000
Cổ phiếu đã niêm yết (i)				
Công ty CP ĐT PT Năng lượng VN	52.883	770.362.000	52.883	770.362.000
Công ty CP ĐT SX & TM VN	15.000	262.500.000	30.000	525.000.000
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	-	-	34.285	849.990.000
Cổ phiếu OTC (ii)				
Công ty CP Cấp thoát nước Quảng Nam	400.000	5.000.000.000	400.000	5.000.000.000
Công ty CP CP Cơ điện NN và Thủy lợi II	12.052	2.096.000.000	12.052	2.096.000.000
Công ty CP VRG Bảo Lộc	50.000	1.000.000.000	50.000	1.000.000.000
NHTM CP An Bình	18.343	732.000.000	18.343	732.000.000
Công ty CP Ứng dụng CN CNC VN	-	-	34.500	345.000.000
Công ty CP CNTT & TT Nam Việt	25.000	250.000.000	25.000	250.000.000
Công ty CP ĐT & PT CNTT Vinavico	8.000	80.000.000	8.000	80.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(5.795.757.900)		(1.739.435.800)
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu niêm yết (i)		(858.654.500)		(1.739.435.800)
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu OTC (ii)		(4.937.103.400)		-
Cộng		10.319.981.009		12.397.408.109

(i): Giá trị ghi sổ của các cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Việt Nam lần lượt là 14.567 VND/cổ phiếu và 17.500 VND/cổ phiếu. Trong khi giá trị thị trường ước tính của các cổ phiếu này lần lượt là 2.400 VND/cổ phiếu và 3.200 VND/cổ phiếu tại ngày 31/12/2012. Do đó, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán với số tiền 858.654.500 VND.

(ii): Đây là những khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC). Ban Giám đốc đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu OTC này đã bị giảm giá tại ngày 31/12/2012. Ban Giám đốc đã tiến hành trích lập dự phòng cho các cổ phiếu này dựa trên xét đoán tốt nhất của Ban Giám đốc và các thông tin về giao dịch các cổ phiếu này từ một số nguồn khác nhau. Tuy nhiên, Ban Giám đốc lưu ý về độ tin cậy chưa cao về giá thị trường của các cổ phiếu OTC sử dụng để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu OTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.12 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Phải trả bên liên quan	-	951.420.744
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone	-	951.420.744
Phải trả người bán khác	33.021.580.348	34.907.050.374
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	422.062.423	622.062.423
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc	432.723.000	-
Cty TNHH ĐTPT Lâm nghiệp và XD Thành Đạt	449.679.852	697.193.921
Công ty Cổ phần Vũ Trung	238.172.000	238.172.000
V - Trac Holdings LTD (i)	29.221.684.000	29.221.684.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Tân Phong	504.300.000	2.054.550.677
Phải trả nhà cung cấp khác	1.752.959.073	2.073.387.353
Cộng	33.021.580.348	35.858.471.118

(i): Đây là khoản phải trả cho những hợp đồng mua máy móc, tài sản giá trị 1.403.000 USD. Tuy nhiên, do không liên lạc được với Công ty V - Trac (Cook islands) nên Công ty chưa thanh toán khoản công nợ trên.

4.13 Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Công ty CP Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	1.449.837.200	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại 30-4	731.338.754	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội (MIPEC)	513.141.397	-
Công ty TNHH TM và DV Anh Tuấn	300.000.000	-
Công ty TNHH VITILEN	-	468.067.600
Công ty CP TM Sông Hồng Thủ Đô	-	534.000.000
Các đối tác khác	234.620.713	136.547.751
Cộng	3.228.938.064	1.138.615.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.281.622.091	2.380.584.235
Thuế thu nhập cá nhân	437.148.593	395.702.107
Thuế tài nguyên	29.128.000	-
Cộng	2.747.898.684	2.776.286.342

4.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	43.739.936	33.312.742
Bảo hiểm xã hội	32.685.557	41.349.274
Bảo hiểm y tế	85.509.508	60.377.908
Bảo hiểm thất nghiệp	35.609.262	24.439.662
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Tân Phong	-	307.046.000
Phải trả cổ tức 2010	35.631.175	43.474.842
Phải trả cổ tức 2011 (i)	4.544.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.669.009	3.028.750
Cộng	4.783.844.447	513.029.178

(i): Chi tiết xem tại thuyết minh 4.16 "Vốn chủ sở hữu".

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Số 28 lô 1B, Khu đô thị mới Trung yên
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**4.16 Vốn chủ sở hữu****4.16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ, VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 1/1/2011	92.000.000.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	144.059.866	148.571.304	4.891.419.301	101.796.080.471
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	1.818.910.895	1.818.910.895
Chia các quỹ	-	-	-	563.197.500	450.558.000	(1.689.592.500)	(675.837.000)
Tại ngày 31/12/2011	92.000.000.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	707.257.366	599.129.304	5.020.737.696	102.939.154.366
Tại ngày 01/01/2012	92.000.000.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	707.257.366	599.129.304	5.020.737.696	102.939.154.366
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(5.982.242.962)	(5.982.242.962)
Chia lợi nhuận cho cổ đông (i)	-	-	-	-	-	(4.544.000.000)	(4.544.000.000)
Chia các quỹ (ii)	-	-	-	100.414.754	125.286.057	(476.737.696)	(251.036.885)
Tại ngày 31/12/2012	92.000.000.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(5.982.242.962)	92.161.874.519

(i): Theo Nghị quyết số 211/NQ/HĐQT/VNVC/2012 ngày 21/06/2012, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định chi trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 5% bằng hình thức phát hành cổ phiếu.

(ii): Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 được thực hiện dựa theo Nghị quyết số 162/NQ-ĐHĐCĐ/VNVC/2012 ngày 07/05/2012. Theo đó, tỷ lệ trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi lần lượt là 2%, 2,5% và 5% lợi nhuận sau thuế năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Số 28 lô 1B, Khu đô thị mới Trung yên
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**4.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)****4.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký DN VND	%	Số vốn đã góp			
			Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 01/01/2012	
			VND	%	VND	%
Đại diện cổ đông sáng lập	1.649.550.000	1,79	17.020.550.000	18,50	16.238.550.000	17,65
Ông Mai Hồng Bằng	1.649.550.000	1,79	17.020.550.000	18,50	16.238.550.000	17,65
Cổ đông khác	90.350.450.000	98,21	74.979.450.000	81,50	75.761.450.000	82,35
Công ty CP ĐTXD & KT Mỏ Vinavico (i)			12.000.000.000	13,04	12.000.000.000	13,04
Công ty CP Chứng khoán Đại Dương			6.750.000.000	7,34	7.050.000.000	7,66
Công ty CP Đá tự nhiên VnStone			3.254.000.000	3,54	493.000.000	0,54
Cá nhân nước ngoài			1.201.000.000	1,31	2.831.000.000	3,08
Các cổ đông khác			51.774.450.000	56,28	53.387.450.000	58,03
Cộng	92.000.000.000	100	92.000.000.000	100	92.000.000.000	100

(i): Đây là khoản góp vốn bằng tài sản quyền thăm dò mỏ Khau Ca, tỉnh Yên Bái. Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.10 "Xây dựng cơ bản dở dang". Số cổ phiếu tương ứng với phần vốn góp này là 1.200.000 cổ phiếu chưa được niêm yết và hạn chế lưu số cổ phiếu chưa lưu ký của Công ty tại 31/12/2012 là 1.339.083 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

4.16.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2012 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.200.000	9.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.200.000	9.200.000
Cổ phiếu phổ thông	9.200.000	9.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	112.000	112.000
Cổ phiếu phổ thông	112.000	112.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.088.000	9.088.000
Cổ phiếu phổ thông	9.088.000	9.088.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

4.16.4 Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận thuần của các cổ đông phổ thông	(5.982.242.962)	1.818.910.895
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	9.088.000	9.088.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	(658)	200

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 (Trình bày lại) VND
Doanh thu bán hàng	31.952.291.485	48.901.951.361
Doanh thu bán bột đá	3.476.390.013	4.892.534.334
Doanh thu bán đá thành phẩm và thi công (i)	25.063.225.560	43.936.194.527
Doanh thu khác	3.412.675.912	73.222.500
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	31.952.291.485	48.901.951.361

(i): Trong đó, Công ty thực hiện tạm tính doanh thu theo tiến độ thi công của các công trình là 4.952.855.786 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 (Trình bày lại) VND
Giá vốn bột đá	1.519.298.329	1.354.688.169
Giá vốn đá thành phẩm và thi công (i)	17.620.420.827	31.157.189.361
Giá vốn khác	3.219.979.963	51.996.000
Cộng	22.359.699.119	32.563.873.530

(i): Trong đó, giá vốn tạm tính theo tiến độ thi công các công trình là 3.484.113.237 VND.

5.3 Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	173.678.345	6.666.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	65.183.092
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.337.285	2.456.456.586
Lỗ đầu tư chứng khoán	2.608.269.560	1.069.453.916
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	1.302.679.718	2.752.828.796
Chi phí tài chính khác	702.672.000	-
Cộng	4.824.636.908	6.350.589.057

5.4 Chi phí bán hàng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	678.054.668	651.251.833
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.448.689	128.690.834
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.211.473	12.102.889
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.697.892.157	1.883.025.038
Chi phí bằng tiền khác	238.194.848	595.127.458
Cộng	2.677.801.835	3.270.198.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.314.790.559	3.053.725.354
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.118.953	248.460.284
Chi phí khấu hao TSCĐ	299.639.284	355.801.618
Thuế, phí và lệ phí	650.000	23.596.630
Chi phí dự phòng	2.887.473.494	251.500.000
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.711.677.977	1.760.749.272
Chi phí bằng tiền khác	737.977.863	934.118.921
Cộng	9.057.328.130	6.627.952.079

5.6 Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu từ bán thanh lý TSCĐ	5.939.927.273	90.000.000
Bảo Việt đền bù tai nạn Thiết bị CAT 330D	420.506.000	-
Thu nhập khác	24.152.985	158.172.997
Cộng	6.384.586.258	248.172.997

5.7 Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	5.341.422.939	70.540.908
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế	-	52.500.000
Chi phí khác	20.904.408	1.692.066.764
Cộng	5.362.327.347	1.815.107.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)

5.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	(5.615.057.325)	1.618.984.590
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận		
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>1.576.777.574</i>	<i>(381.097.329)</i>
Thu nhập không thuộc diện nộp thuế TNDN	(281.960.300)	(308.363.434)
Chi phí không được khấu trừ		
Chi phí không đủ chứng từ, không hợp lệ	73.950.939	132.000.000
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khác	990.301.195	-
Thù lao HĐQT và BKS	120.000.000	-
Chi phí lương năm 2011 ghi nhận trong 2012	674.485.740	-
Các khoản khác	-	(204.733.895)
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>3.468.360.851</i>	<i>-</i>
(Tăng) giảm doanh thu chưa xuất hóa đơn	(4.952.855.786)	-
Tăng (giảm) giá vốn hàng bán trích trước	3.484.113.237	-
Dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC (i)	4.937.103.400	-
Lợi nhuận (lỗ) sau điều chỉnh	(569.918.900)	1.237.887.261
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	(569.918.900)	1.237.887.261
Thuế suất (%)	25%	25%
Thuế TNDN ước tính trong năm	-	309.471.815
Ưu đãi thuế theo Thông tư 03/2009/TT-BTC	-	(92.841.544)
Thuế TNDN với TN từ chuyển quyền SDD	-	(416.556.576)
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-	(199.926.305)
Thuế TNDN phải trả đầu năm	2.380.584.235	2.770.564.140
Thuế TNDN đã trả trong năm	98.962.144	190.053.600
Thuế TNDN phải trả cuối năm	2.281.622.091	2.380.584.235

(i): Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC chưa được ghi nhận trong năm do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)

5.9 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Bảng cân đối kế toán		BCKQHĐKD
	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012	Năm 2012
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	367.185.637	-	
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	1.238.213.947	-	1.238.213.947
Giá vốn hàng bán trích trước	(871.028.309)	-	(871.028.309)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			367.185.637

5.10 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí giá vốn hàng bán trong năm	22.359.699.119	32.563.873.530
Chi phí nhân công	3.992.845.227	3.704.977.187
Chi phí đồ dùng văn phòng	161.567.642	377.151.118
Khấu hao tài sản cố định	306.850.757	367.904.507
Thuế, phí và lệ phí	650.000	23.596.630
Chi phí dự phòng	2.887.473.494	251.500.000
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	3.409.570.134	3.643.774.310
Chi phí bằng tiền khác	976.172.711	1.529.246.379
Cộng	34.094.829.084	42.462.023.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6 THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc;
- Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico; và
- Các cổ đông của Công ty.

Trong năm, Công ty đã có các số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Số dư với các bên liên quan

Số dư khoản phải thu xem chi tiết tại các thuyết minh:

- Thuyết minh số 4.3 "Phải thu của khách hàng"
- Thuyết minh số 4.4 "Trả trước cho người bán"
- Thuyết minh số 4.5 "Các khoản phải thu khác"
- Thuyết minh số 4.8 "Tài sản ngắn hạn khác"
- Thuyết minh số 4.10 "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang"
- Thuyết minh số 4.11 "Đầu tư tài chính dài hạn"

Số dư khoản phải trả và chia trả cổ tức xem chi tiết tại thuyết minh:

- Thuyết minh số 4.12 "Phải trả người bán"
- Thuyết minh số 4.15 "Các khoản phải trả, phải nộp khác"
- Thuyết minh số 4.16 "Vốn chủ sở hữu"

Giao dịch với các bên liên quan

Mua hàng

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Công ty CP Đá tự nhiên VnStone		
Mua đá và bột đá	1.541.008.319	-
Nhân công thi công	3.335.338.341	2.958.648.535
Cộng	4.876.346.660	2.958.648.535

Bán hàng

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Công ty CP Đá tự nhiên VnStone		
Bán máy móc thiết bị	980.724.556	-
Bán đá các loại	792.835.000	-
Cộng	1.773.559.556	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)

Thu nhập của Ban Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	869.864.107	857.483.045
Tổng thù lao của HĐQT và BKS	120.000.000	102.000.000
Cộng	989.864.107	959.483.045

6.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

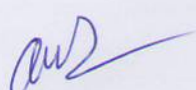
6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Vinavico đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam. Một số chỉ tiêu đã được trình bày và phân loại lại cho phù hợp với việc so sánh Báo cáo tài chính năm nay.



Mai Hồng Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2013


Nguyễn Thị Hoa Huế
Phụ trách kế toán


Nguyễn Quỳnh Hoa
Người lập